

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HS-PT
Ngày: 03-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc

Ông Cao Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 114/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Dương Đình L và Thạch S. Do có kháng cáo của các bị cáo Dương Đình L và Thạch S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Đình L, sinh năm 1988 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: khu phố X, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình S và bà Tô Thị H; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Thạch S, sinh năm 1990 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký tạm trú: khu phố X, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch S1 và bà Phan Thị Ph; có vợ là Võ Thị Mỹ D2; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, có 01 bị hại và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Đình L là quản lý của Công ty TNHH X1 (Việt Nam) (sau đây viết tắt là Công ty X2) từ năm 2019. Thạch S là công nhân được giao nhiệm vụ làm tài xế xe nâng của Công ty X2.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2022, L nói với S đi gom sắt phế liệu tại các xưởng của Công ty X2 đến nhà để phế liệu để L chở ra ngoài bán thì S đồng ý, L hứa hẹn với S nếu bán được sẽ cho S số tiền 8.000.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, L điện thoại cho ông Lê Khắc H, giám đốc Công ty TNHH SX Thương mại dịch vụ L (sau đây viết tắt là Công ty L) hỏi mượn một xe ô tô tải để chở phế liệu đi bán. Nghe vậy, ông H1 gọi cho ông Võ Thanh H2 là nhân viên của Công ty L chạy xe ô tô tải biển số 93N-1736 vào Công ty X2. Khi điều khiển xe đến cổng Công ty X2, ông H2 giao xe cho L còn ông H2 đi bộ về lại chỗ làm. Sau khi điều khiển xe ô tô tải vào trong Công ty X2, L nói S dùng xe nâng để nâng bốn thùng phi có chứa chì phế liệu và sắt phế liệu lên xe ô tô tải, còn L khiêng mấy tấm gỗ vụn bỏ lên xe. Tiếp đó, L chạy xe ô tô tải chở theo bốn thùng phi có chứa chì phế liệu, sắt phế liệu và gỗ vụn (gỗ balet) ra cổng Công ty X2 và di chuyển đến cửa hàng phế liệu tại khu phố X, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương do bà Vũ Thị H3 làm chủ, bán toàn bộ số chì và sắt phế liệu vừa chiếm đoạt được cùng với khoảng nửa xe gỗ vụn balet cho bà H3 với giá 20.000.000 đồng, L nói đưa trước cho L 10.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ tính sau. Công ty X2 sau khi phát hiện mất tài sản đã trình báo sự việc đến Công an Đoàn khu công nghiệp. Công an Đoàn khu công nghiệp chuyển toàn bộ hồ sơ ban đầu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: 04 phi bên trong có chứa chì vụn (bột chì) và sắt phế liệu. Theo biên bản cân ngày 05 tháng 10 năm 2022, xác định trọng lượng như sau: 306kg chì phế liệu và 337kg sắt phế liệu.

Dương Đình L khai nhận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã lấy chì phế liệu và sắt phế liệu của Công ty X2 mang đi bán. Nhiệm vụ của L trong Công ty X2 là quản lý nhân sự và bán phế liệu nếu được sự đồng ý của Công ty X2. Mỗi khi Công ty X2 có phế liệu cần bán sẽ kêu L gọi người vào mua và thu dọn. Lúc đó, L sẽ điện thoại cho ông H1 hoặc bà H3 để điều xe vào chở phế liệu ra bán. Việc mua bán chỉ dựa vào phiếu cân trong Công ty X2 rồi tính tiền chứ không có hóa đơn, giấy tờ mua bán. Mỗi lần thanh toán ông H1 đều trả tiền mặt, sau đó L mang tiền về đưa lại cho Công ty X2. Bên cạnh đó, phần gỗ vụn dư ra (gỗ balet) sẽ giao cho L thu dọn và xử lý, còn phế liệu thì phải được sự đồng ý của Công ty X2 mới được bán ra ngoài. Thạch S là công nhân dưới quyền quản lý của L, nhiều lần L nói S phụ khiêng phế liệu lên xe hoặc dùng xe nâng để nâng phế liệu lên xe ô tô tải và ở lại quét dọn, mỗi lần như vậy, L thường cho S số tiền 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Ngày 03 tháng 10 năm 2022, L nói S đi

gom phế liệu tại các xưởng của Công ty X2 về cho L bán ra ngoài, L hứa hẹn sẽ cho S số tiền 8.000.000 đồng.

Thạch S khai nhận: L là quản lý của S nên bình thường L giao nhiệm vụ gì thì S đều thực hiện. Thỉnh thoảng L có nói S dùng xe nâng để nâng phế liệu lên xe ô tô tải cho L, phụ L dọn dẹp gỗ vụn tại nhà phế liệu, mỗi lần như vậy L thường cho S từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Ngày 03 tháng 10 năm 2022, L nói S đi gom phế liệu tại các xưởng cho L bán ra ngoài, hứa sẽ cho S 8.000.000 đồng. S biết L là người được Công ty X2 giao nhiệm vụ bán phế liệu, tuy nhiên việc bán phế liệu của Công ty X2 phải có sự đồng ý từ Giám đốc và phòng nhân sự mới được bán, L chỉ là người thực hiện chứ không có quyền quyết định, bình thường nếu chỉ dọn dẹp và phụ khiêng đồ lên xe thì L chỉ cho S vài trăm nghìn đồng, việc L hứa cho S 8.000.000 đồng, S nhận thức được L không được sự đồng ý của Công ty X2 mà lén mang phế liệu bán ra ngoài nhằm thu lợi riêng nhưng vì ham lợi nên S đồng ý giúp L.

Công ty X2 cho biết: đối với tài sản là sắt và chì phế liệu của công ty bản thân L không được giao quản lý. Tài sản trên Công ty X2 giao cho bộ phận sản xuất quản lý. Sau khi ra sản phẩm, còn thừa thì nhập lại kho tạm của Công ty X2 để xưởng đi tái chế lại, việc L tự ý mang phế liệu đi bán không được sự đồng ý của Công ty X2. L chỉ có nhiệm vụ kêu người vào mua phế liệu chứ không có quyền quyết định việc bán phế liệu.

Bà Vũ Thị H3 và ông Lê Khắc H khai nhận: Bà H3 với ông H1 là vợ chồng, cũng là chủ cửa hàng phế liệu mà L thường xuyên kêu vợ chồng bà H3 đến mua. L và vợ chồng bà H3 là hàng xóm gần nhà. Được biết L là quản lý của Công ty X2, cũng là người chịu trách nhiệm bán phế liệu của Công ty X2 nên khi có phế liệu cần bán, L sẽ gọi điện thoại cho bà H3, bà H3 sẽ điều động tài xế lái xe ô tô tải vào trong Công ty X2 để chở phế liệu gồm: sắt vụn, gỗ balet vụn, bìa carton, nhôm về cửa hàng của mình. Sau đó sẽ trả tiền mặt cho L, mọi giao dịch mua bán đều thông qua L, không có hóa đơn hay giấy tờ mua bán. Ngày 03 tháng 10 năm 2022, vì nghĩ cũng như những lần trước, nên khi L điều khiển xe ô tô tải chở phế liệu ra bán, bà H3 cũng không hỏi L về nguồn gốc số phế liệu, do trời nắng, đang vào giờ nghỉ trưa nên bà H3 chỉ xem qua rồi đưa trước cho L 10.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên sẽ tính sau. Bà H3 không biết đó là tài sản do L phạm tội mà có, do vậy hành vi của bà Vũ Thị H3 và ông Lê Khắc H không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Về số tiền 10.000.000 đồng đã đưa cho L, bà H3 không yêu cầu L trả lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 10 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 306kg chì phế liệu, trị giá 2.754.000 đồng; 337kg sắt phế liệu, trị giá 2.359.000 đồng. Tổng trị giá là 5.113.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty X1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Dương Đình L, Thạch S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Đình L 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Thạch S 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, bị cáo Thạch S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, bị cáo Dương Đình L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo thay đổi một phần kháng cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm đối với vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Dương Đình L, Thạch S lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị là 5.113.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L 08 (tám) tháng tù và bị cáo S 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại; các bị cáo có địa chỉ rõ ràng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện để có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: khoảng 11 giờ 00 phút ngày 03 tháng 10 năm 2022, tại Công ty TNHH X1 (Việt Nam) có địa chỉ tại lô A-9H-CN Khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo Dương Đình L, Thạch S, có hành vi lén lút chiếm đoạt 306kg chì phế liệu, trị giá 2.754.000 đồng và 337kg sắt phế liệu, trị giá 2.359.000 đồng của Công ty TNHH X1 (Việt Nam). Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 5.113.000 (năm triệu một trăm mười ba nghìn) đồng. Hành vi của các bị cáo Dương Đình L, Thạch S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo thay đổi một phần kháng cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tổng số tiền 5.113.000 đồng) và tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị cáo Thạch S là người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer), nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; các bị cáo là công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn. Xét thấy, các bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, không có tiền án, không có tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, không cần chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên các bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L, S, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị

quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Đình L, Thạch S. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về hình phạt:

2. Tuyên bố các bị cáo Dương Đình L, Thạch S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

2.1. Xử phạt bị cáo Dương Đình L 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm (04) bốn tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (03/8/2023).

2.2. Xử phạt bị cáo Thạch S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (03/8/2023).

Giao các bị cáo Dương Đình L và Thạch S cho Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Dương Đình L, Thạch S không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương;

- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B, tỉnh Bình Dương;

- Bị cáo,

- Người tham gia tố tụng (2);

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương;

- UBND thị trấn U, huyện B;

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, PHT, 20.

Nguyễn Huỳnh Đức